

Bản án số: 34/2024/ HNGĐ- ST

Ngày 25/8/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Bà Vũ Thị Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2024/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1990.

Nơi ĐKKTT: Khu dân cư B– T, phường C, thành phố C, tỉnh H.

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Th, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu dân cư B – T, phường C, thành phố C, tỉnh H.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh H.

2. Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh H.

Chị T vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt); anh Th vắng mặt không có lý do; bà C, bà V đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T và bị đơn anh Nguyễn Đình Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Đình Th kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2008 tại UBND xã C, huyện C (nay là phường C, thành phố C), tỉnh H. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại C, C, H. Đến năm 2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Anh Th không quan tâm đến gia đình vợ con. Vợ chồng không thể hàn gắn được đến tháng 2 năm 2023 thì chị và các con về nhà mẹ đẻ ở khu dân cư C, phường C sinh sống. Anh Th cũng có tìm gặp khuyên bảo chị về sống với anh nhưng chị không quy về nữa, chị sống ly thân với anh Th từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Theo anh Thuấn: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do Chị T không chung thủy, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không hòa giải được. Chị T xin ly hôn anh thì quan điểm của anh là đồng ý ly hôn chị T nhưng không phải thời gian này. Anh xác định không còn tình cảm với chị T. Nhưng anh cần có thời gian để cho gia đình khác được ổn định hơn. Để chị T không đi phá hoại hạnh phúc gia đình khác.

Về con chung: Chị T và anh Th có 02 con chung là Nguyễn Đình Duy K, sinh ngày 22/11/2009 và Nguyễn Đình Khánh N, sinh ngày 07/6/2015 hiện tại đang ở cùng chị T. Khi ly hôn, chị T đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đình Khánh N, sinh ngày 07/6/2015. Nếu ly hôn anh Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đình Duy K, sinh ngày 22/11/2009. Chị T và anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Hiện tại cháu K và cháu N khỏe mạnh, phát triển bình thường. Chị T hiện đang ở cùng mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1955; Địa chỉ: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh H. Chị T làm giáo viên mầm non của trường mầm non C, địa chỉ: phường C, thành phố C, tỉnh H. Ngoài ra chị còn có xưởng giặt là làm thêm ngoài giờ để kiếm thêm thu nhập nên thu nhập hàng tháng của chị trung bình 9.800.000 đồng/tháng, thời gian chị chủ động được nên đủ điều kiện nuôi con, hơn nữa mẹ đẻ chị cũng hỗ trợ chị trong việc chăm sóc cháu. Anh T làm lái xe thu nhập hàng tháng từ 10.000.000 – 15.000.000 đồng. Anh chị đều có thời gian, điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ: Chị T và anh Th đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Bà Nguyễn Thị C - mẹ đẻ chị T trình bày và xác nhận: Chị T và anh Th kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C (nay là thành phố C, tỉnh H), được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống ban đầu hòa thuận bình thường. Đến năm 2019 - 2020 vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, hay cãi cọ nhau. Nhưng đến cuối năm 2023 ba mẹ con chị T về nhà bà ở hẳn đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị cụ thể là anh Th hay uống rượu về chửi bới đánh đập vợ, hay ghen tuông nghi ngờ vợ. Tôi có nắm được chị T nói lại là anh Th cũng mãi chơi không chăm lo kinh tế gia đình cho vợ con. Từ ngày chị T và con về nhà bà sinh sống anh T có vào nhà bà mấy lần nhưng chỉ cãi cọ to tiếng xong lại về chứ cũng không tìm đón hay khuyên bảo chị T về chung sống. Nay chị T xin ly hôn anh Th quan điểm của bà là không mong muốn vợ chồng anh chị phải ly hôn, nhưng do mâu thuẫn của anh chị rất nhiều và cũng lâu rồi nên đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết theo nguyện vọng của chị T; Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Đình Duy K, sinh ngày 22/11/2009 và Nguyễn Đình Khánh N, sinh ngày 07/6/2015 hiện tại đang ở cùng chị T và bà. Nếu anh chị ly hôn chị T được nuôi dưỡng cháu nào thì bà cũng nhất trí ủng hộ. Hiện bà là cán hưu trí nên có nhiều thời gian rảnh rỗi để hỗ trợ chị T chăm lo con. Hơn nữa bà có nhà ở rộng rãi thoáng mát, có điều kiện nơi ăn chốn ở cho mẹ con chị T. Trường học cũng gần nhà nên rất thuận lợi cho việc đi học của các cháu; Về tài sản chung: Anh T và chị T không có tài sản gì chung.

Bà Hoàng Thị V - mẹ đẻ anh Th trình bày: Chị T và anh Th có đăng ký kết hôn với nhau năm 2008 tại ủy ban nhân dân xã C, huyện C (nay là thành phố C), tỉnh H. Hai anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn thì hai anh chị về sinh sống khu dân cư B – T, phường C, không ở chung với bà. Thời gian đầu sau khi kết hôn thì hai anh chị vẫn chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến cuối năm 2022 đầu năm 2023, bà có nghe từ anh Nguyễn Đình Ng, sinh năm 1982 là con trai lớn của bà và anh Th là hai vợ chồng anh Th chị T thỉnh thoảng cãi nhau to tiếng vào ban đêm. Bà có hỏi lại anh Th thì anh Th bảo là khoảng 1, 2 giờ đêm có số điện thoại của đàn ông gọi đến máy của chị T. Anh Th có hỏi chị T là đêm muộn rồi còn ai gọi làm gì và nhiều lúc anh Th thấy chị T có biểu hiện không trung thực nên anh nghi ngờ chị T có quan hệ bất chính bên ngoài. Anh Th có nói chuyện với chị T và ngăn cấm chị nhưng không được nên anh Th chán nản và uống rượu. Hai bên gia đình cũng có bằng chứng về việc chị T ngoại tình và chị T cũng đã nhận là có quan hệ bất chính với em rể là chồng của con gái út của bà, có mẹ đẻ chị T là bà C chứng kiến và chị T cũng đã xin thay đổi. Chị T có viết biên bản cuộc họp tại nhà bà, hai bên gia đình đã chứng kiến và ký. Bà chỉ biết hiện nay chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ được khoảng một năm nhưng vẫn đi lại giữa hai nhà và không nói chuyện gì với bà. Bà cũng không biết anh Th có tìm đón chị T về hay không. Nay chị T xin ly hôn anh Th thì quan điểm của bà là không có bố mẹ nào muốn con bỏ nhau nhưng chị T phải suy nghĩ về hành động của mình, đơn khởi kiện ly hôn của chị T đã trình bày thiếu vấn đề quan hệ bất chính của chị, đó chính là vấn đề quan trọng nhất nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của hai anh chị. Về con

chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Đình Duy K, sinh ngày 22/11/2009 và Nguyễn Đình Khánh N, sinh ngày 07/6/2015. Hiện tại hai con chung đang ở với chị T, anh có Th nói với bà là anh Th vẫn gửi tiền về nuôi con với chị T. Nếu hai anh chị phải ly hôn thì quan điểm của bà là cháu nào cũng là cháu, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của hai anh chị và các cháu; Về tài sản chung: Bà không nắm được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Biên bản xác minh với ông Lại Văn D - trưởng khu dân cư B- T, phường C, thành phố C: Anh Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường C, thành phố C. Anh Th và chị T có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà anh Th ở khu dân cư B – T, phường C, thành phố C. Mâu thuẫn của anh chị như thế nào địa phương không nắm được. Về con chung và tài sản chung của anh chị đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của anh chị và căn cứ pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị T và anh Th đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần, không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử cho chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Nguyễn Đình Th; về con chung: anh chị có 02 là Nguyễn Đình Duy K, sinh ngày 22/11/2009 và Nguyễn Đình Khánh N, sinh ngày 07/6/2015 hiện tại đang ở cùng chị T. Giao con chung là Nguyễn Đình Khánh N, sinh ngày 07/6/2015 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Giao con chung là Nguyễn Đình Duy K, sinh ngày 22/11/2009 cho anh Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Do đương sự tạm thời không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ánh T khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Đình Th có địa chỉ cư trú tại phường C, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Đình Th là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt, chị T vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, anh Th vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh Th.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Đình Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ngay từ khi bắt đầu sinh sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị T anh Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh Th là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Đình Duy K, sinh ngày 22/11/2009 và Nguyễn Đình Khánh N, sinh ngày 07/6/2015 hiện tại đang ở cùng chị Tt. Xét điều kiện, hoàn cảnh của chị T, anh Th thấy rằng: Chị T làm giáo viên mầm non của trường mầm non C và anh Th làm lao động tự do. Do vậy, việc giao cả 02 con cho một bên nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo điều kiện tốt nhất cho 02 cháu. Anh chị đều có việc làm, thu nhập, có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Chị T được sự hỗ trợ của gia đình trong việc nuôi dưỡng các cháu. Nguyên vọng nuôi dưỡng con chung của anh chị đều chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của người làm cha làm mẹ. Tuy vậy cháu Nguyễn Đình Khánh N, sinh ngày 07/6/2015 nhỏ tuổi hơn cần có mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Còn cháu Nguyễn Đình Duy K, sinh ngày 22/11/2009 lớn tuổi hơn nên giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu K cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8 năm 2024 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào là phù hợp điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục giao con chung Nguyễn Đình Khánh N, sinh ngày 07/6/2015 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Đình Duy K, sinh ngày 22/11/2009 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi mới đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung.

2.3]. Về cấp dưỡng: Xét chị T và anh Th tự nguyện không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau nên cần được chấp nhận.

2.4]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị T và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh T.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ánh T ly hôn anh Nguyễn Đình Th.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đình Khánh N, sinh ngày 07/6/2015 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Giao con chung là Nguyễn Đình Duy K, sinh ngày 22/11/2009 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị T và anh Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với nhau. Chị T và anh Th có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đặt giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/23 Số: 0003894 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- UBND phường Cộng Hòa, tp Chí Linh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân Anh

